

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/10/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+P3+P7	7:25	21+1+0	0+0+0		18+1+2	0+0+0	chuyen 3 p3- p7
2		RP3+P10+PPD	7:25	13+0+9	0+0+0		8+2+12	0+0+0	chuyen 5 rp3- p10
3		BK8+P2+P5	9:25	7+13+1	0+0+0		5+15+0	0+0+0	
4		P9-BK6+BK14+RP3	9:25	2+7+0+9	0+0+0+0		0+3+0+19	0+0+0+0	chuyen 5 BK6- BK14
5		PVD1+P4	11:25	5+17	0+0		4+14	0+0	
6		P10	15:00	0	0		0	0	huan luyen

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: P2 - P3 - P7	CREW: Dương - Phong - Huy	ETA: 09:15
XANH-1			

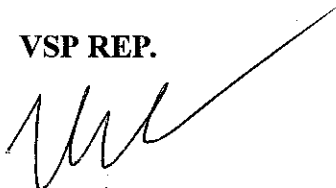
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P2	76	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	92-93	2	13	110	70	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	84	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC HÙNG	P2	91	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	P2	50	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHAN	P2	73-74	2	15		52	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	87-88	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ NGHĨA TÀI	P2	82	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HÙNG	P2	89	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	81	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HUY QUYNH	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
13	HA VĂN NIN	P2	90	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH VŨ	P2	77	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN SƠN	P2	78	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HÙNG CƯỜNG	P2	75	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN NAM	P2	86	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ SỸ VANG	P2	86	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH XANH	P2	80	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	79	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO VĂN DANG	P2	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VĂN THANH	P3	01	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	22	142	1.385	110	18		CHUYEN 3 PAX TU P3 SANG P7
2	P3	1	1	7	60	0	14	3	
3	P7	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	149	1.445	110	21		
WEIGHT KG				149	1.445	110			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: RP3 - P10 - PPD	CREW: QViệt - Hạnh - HIẾU - Cường	ETA: 09:20
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	10	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	REVIYAKIN VN	RP3	21	1	11		91	KHI	Russian
3	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	16-17	2	11		60	KHI	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	20	1	8	40	75	KHI	Vietnamese
5	HÀ VĂN THUY	RP3	14	1	5		56	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	19	1	7		67	KHI	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	15	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	VÕ ĐÓN LONG	RP3	79	1	8	100	70	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HAI	RP3	22	1	11		65	KHI	Vietnamese
10	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	18	1	4		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HOANG	RP3	12	1	7		55	KHI	Vietnamese
12	THẠCH HOÀNG HẠN	RP3	11	1	17		70	KHI	Vietnamese
13	THẠCH HOÀNG NGHĨA	RP3	13	1	14		60	KHI	Vietnamese
14	DƯ TRẦN HÙNG	PPD	05	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOÀNG CHUÔNG	PPD	10	1	7		62	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	PPD	02	1	7		60	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN ĐAM	PPD	09	1	4	12	66	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	07	1	6		70	PSV	Vietnamese
19	PHAN THANH HAI	PPD	04	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	TRẦN MINH THUẬN	PPD	06	1	7		74	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH LAM	PPD	08	1	6		75	PSV	Vietnamese
22	LÊ TIỀN QUÝ	PPD	03	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	14	114	881	140	8	5	CHUYEN 05 PAX TU RP3 SANG P10
2	P10	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	9	9	54	607	12	12		
TOTAL		22	23	168	1.488	152	22		
WEIGHT KG				168	1.488	152			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2021	TO: BK8 - P2 - P5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - Phong - Huy	ETA: 11:25
xanh-2			

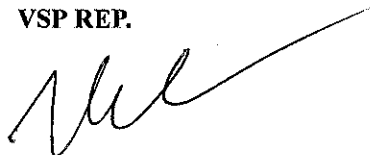
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG DŨNG	BK8	31	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	28	1	10	80	60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TÂN	BK8	99	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG CẨM	BK8	27	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PODYMОВ DMITRY	BK8	32	1	8		96	KH-THAC	Russian
6	LÊ CÔNG LƯU	BK8	30	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	29	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	90	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	65	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN THAI	P2	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH DƯƠNG	P2	68	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH HIỀN	P2	71	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HA CHIEN THANG	P2	91	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ HÙNG	P2	63	1	5		64	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐOÀN BÌNH	P2	69-70	2	17		65	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	66-67	2	10		63	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN DŨNG	P2	89	1	5		78	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HIỆP	P2	64	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG VĂN	P2	62	1	10		70	PSV	Vietnamese
20	TRƯỜNG TRỌNG HẠN	P2	86	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	SAGIROV M. S.	P5	61	1	10		70	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

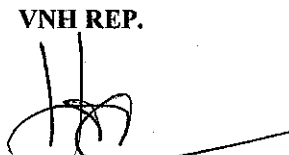
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	7	7	56	499	80	5		
2	P2	13	15	98	908	0	15		
3	P5	1	1	10	70	0	0		
TOTAL		21	23	164	1.477	80	20		
WEIGHT KG				164	1.477	80			

GRAND TOTAL: 1.721 KGS

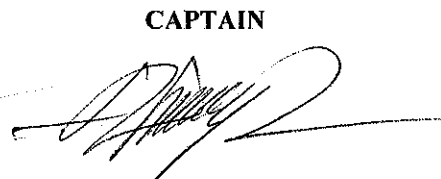
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P9 - BK6 - BK14 - RP3	CREW: QViệt - Hạnh - HIẾU - Cường	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	34-35	2	15	30	53	KH-THAC	Vietnamese
2	HƯA SAY	P9	36	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG TRỌNG BÀI	BK6	73	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG LINH	BK6	75	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TRÍ	BK6	72	1	8	90	70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	71	1	7	60	83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HAI	BK6	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	82	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	74	1	5		59	PSV	Vietnamese
10	TRẦN TRÍ	RP3	59	1	8		60	KHI	Vietnamese
11	VÔ TẤN TÀI	RP3	55	1	15		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THÔNG	RP3	56	1	12		58	KHI	Vietnamese
13	HOÀNG THANH PHÚC	RP3	63	1	9		66	KHI	Vietnamese
14	LÊ MINH NHỰT	RP3	62	1	7		54	KHI	Vietnamese
15	LÊ ĐĂNG HỒNG PHƯƠNG	RP3	58	1	10		72	KHI	Vietnamese
16	PHAN TÀI DANH	RP3	61	1	9		64	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	RP3	60	1	9		67	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	57	1	6		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

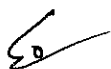
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	2	3	21	110	30	0		CHUYỂN 5 PAX BK6 SANG BK14
2	BK6	7	7	53	506	150	3	5	
3	BK14	0	0	0	0	0	0		
4	RP3	9	9	85	581	0	19		
TOTAL		18	19	159	1.197	180	22		
WEIGHT KG				159	1.197	180			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2021	TO: PVD1 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Linh - Phong - MQUÂN -	ETA: 13:35
XANH-3		Thành	

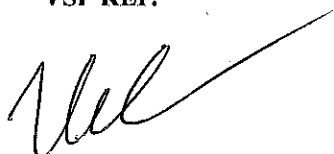
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ANH ĐỨC	PVD1	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TRỊNH	PVD1	97	1	9	40	60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH KIM	PVD1	86	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	PVD1	87	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	PVD1	84	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	SUDAKOV	P4	79-80	2	12		110	KHI	Russian
7	ZAGUDAEV	P4	76	1	5		77	KHI	Russian
8	LÊ VĂN HOÀN	P4	98	1	3		66	KHI	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC DUY	P4	95	1	3		53	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	91	1	8		73	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHÚC	P4	92	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	99	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TUÂN	P4	96	1	7		82	KHI	Vietnamese
14	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	93	1	11		67	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN MẠNH	P4	94	1	4		57	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	97	1	5		66	KHI	Vietnamese
17	LÊ QUANG VINH	P4	300	1	7		68	KHI	Vietnamese
18	MARZIEV M. M.	P4	82	1	8		80	KH-THAC	Russian
19	OVCHARENKO A. N.	P4	81	1	5		86	KH-THAC	Russian
20	VLASOV A. M.	P4	77-78	2	12		88	KH-THAC	Russian
21	LÂM NHỰT MINH	P4	89	1	14	76	63	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	P4	90	1	12		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	5	5	33	341	40	4		
2	P4	17	19	126	1.251	76	14		
TOTAL		22	24	159	1.592	116	18		
WEIGHT KG				159	1.592	116			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/10/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+CTK3+TD5	7:25	20+2+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-TD5
2		RP3+PPD+CLO	7:25	3+2+17	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 2 RP3- PPD
3		TD1+P8+P1	9:25	18+1+3	0+0+0		13+1+8	0+0+0	
4		TD5+P9+P4+TD1	9:25	0+7+1+11	0+0+0+0		0+0+0+20	0+0+0+0	chuyen 4 td5- p9chuyen 2 p4- td1
5		TD1+CLO+P6	11:25	8+6+0	0+0+0		5+6+10	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - CTK3 - TD5	CREW: Linh - Phong - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH CHỈ CÔNG	CLO	301	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CLO	14	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN QUANG THANH	CLO	23	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TRUNG	CLO	16	1	18		76	KHOAN	Vietnamese
5	BUI THAI QUI	CLO	18	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
6	VOROBIEV S.D.	CLO	03	1	4		100	KHOAN	Russian
7	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	06	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VĂN TRUNG	CLO	07	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY NAM	CLO	05	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	08	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	04	1	8		59	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DUY	CLO	15	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
13	MAI THÈ HIEN	CLO	17	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
14	LE MẠNH HUNG	CLO	01	1	13		75	ANTOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DƯ	CLO	02	1	3		62	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN BA HUNG	CLO	19-20	2	11	22	82	DVL	Vietnamese
17	HOANG ĐAI NGHIA-PVD	CLO	11	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUANG HUY	CLO	09	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC HOÀN-PVD	CLO	12-13	2	13		85	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH NGỌC BÌNH-PVD	CLO	10	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	16,92	2	18	50	72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THÈ PHONG	CTK3				70	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	22	178	1.484	22	14		CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG TD5
2	CTK3	2	2	18	132	120	0		
3	TD5	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	24	196	1.616	142	22		
WEIGHT KG				196	1.616	142			

GRAND TOAL: 1.954 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2021	TO: RP3 - PPD - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYSTEROV R.	RP3	64	1	9		82	KH-THAC	Russian
2	ĐO VĂN ĐỊNH	RP3	65	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN NGOC	RP3	66-67	2	20	40	52	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN LAM	PPD	14	1	7	25	73	KH-THAC	Vietnamese
5	LUU MINH TUAN	PPD	13	1	5	60	77	NIPI	Vietnamese
6	ĐO HUY BINH	CLO	43-44	2	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	CAO VAN VIET	CLO	40	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN VINH	CLO	54	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
9	LAM XUAN TU	CLO	51	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
10	ĐANG DUY LY	CLO	50	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHON	CLO	53	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN SANG	CLO	47	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG TRUNG THONG	CLO	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN SI LONG	CLO	38	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN TUAN	CLO	46	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	TU QUOC VIET	CLO	48	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DOAN SUU-PVDT	CLO	39	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
18	BUI DUC TRUNG	CLO	55	1	10	50	63	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN HAM HA	CLO	45	1	5		63	DVL	Vietnamese
20	CHU DINH THANH	CLO	52	1	8		52	DVL	Vietnamese
21	LE XUAN QUY	CLO	41-42	2	18		76	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	3	4	47	206	40	0+2		CHUYEN 2 PAX TU RP3 SANG PPD
2	PPD	2	2	12	150	85	5		
3	CLO	16	18	110	1.084	50	17		
TOTAL		21	24	169	1.440	175	22		
WEIGHT KG				169	1.440	175			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: TD1 - P8 - P1	CREW: Linh - Phong - QTrưởng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM CÔNG TIỀN	TD1	80	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	89	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
3	MAI ANH TUÂN	TD1	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	84	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐÔI	TD1	81	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	83	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
7	HÀ MINH TUÂN	TD1	90	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	91	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
9	BRATCHYKOV A.S	TD1	85	1	10		90	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN QUANG ANH	TD1	82	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
11	LÊ HUY TÂN	TD1	97-98	2	14		65	YTE	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	96	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	86	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN DUY	TD1	93-94	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
15	MAI XUÂN TÙNG	TD1	88	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HAI	TD1	92	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
17	TRÌNH CAO TRỌNG	TD1	99-700	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	87	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM	P8	59-60	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P1	71	1	8		77	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN BẢO TOÀN	P1	70	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN KHÁC SƠN	P1	68-69	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

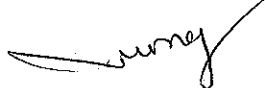
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	21	139	1.284	0	13		
2	P8	1	2	20	70	0	1		
3	P1	3	4	34	223	0	8		
TOTAL		22	27	193	1.577	0	22		
WEIGHT KG				193	1.577	0			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/10/2021	TO: TD5 - P9 - P4 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - Huy	ETA: 11:45

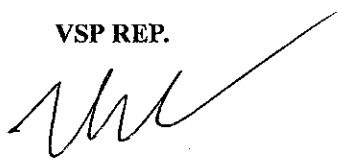
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH ĐỨC QUÂN	P9	47	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ QUỐC TUÂN	P9	48	1	15	20	79	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG ĐINH VINH	P9	39-40	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
4	THÔI QUỐC TUÂN	P9	46	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN CÔNG	P9	45	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN PHÚC	P9	43-44	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
7	TẠ QUANG CUÔNG	P9	41-42	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN HỘI	P4	55	1	20		50	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	83	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN KIẾN	TD1	99	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	95	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					76	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	96	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG TUÂN ANH	TD1	3000	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ MINH DUNG	TD1	94	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	97	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HUU LUÂN	TD1	84	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ DUY NGỌC	TD1	98	1	14		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

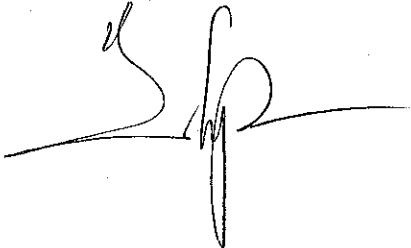
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	40	0 + 4		CHUYEN 4 PAX TD5 SANG P9
2	P9	7	10	104	510	20	0		
3	P4	1	1	20	50	0	0 + 2		CHUYEN 2 PAX P4 SANG TD1
4	TD1	10	9	78	714	0	20		
TOTAL		18	20	202	1.274	60	20		
WEIGHT KG				202	1.274	60			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

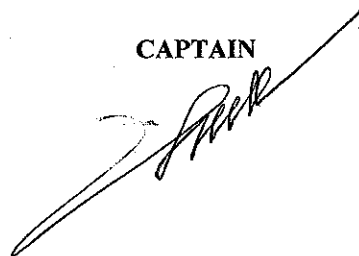
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/10/2021	TO: TD1 - CLO - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Dương - VThắng - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	92	1	14		64	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGỌC	TD1	87	1	5		77	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	74	1	4		57	PSV	Vietnamese
4	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	86	1	5		68	PSV	Vietnamese
5	NGO VĂN GIAO	TD1	85	1	6		92	PSV	Vietnamese
6	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	90	1	3		70	PSV	Vietnamese
7	ĐÀU VIỆT BẠC	TD1	88	1	3		80	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THI	TD1	91	1	6		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN MANH PVD	TD1	89	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	70	1	3	20	60	PSV	Vietnamese
11	HOANG HUU THỌ	CLO	65	1	5	40	75	PSV	Vietnamese
12	LÊ MINH MINH	CLO	63	1	6		70	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN HÙNG	CLO	72	1	4		60	PSV	Vietnamese
14	PHẠM MINH ĐỨC	CLO	66	1	5		86	PSV	Vietnamese
15	NGO THẾ ANH	CLO	71	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ HUU LONG	CLO	64	1	4		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HO QUANG	CLO	67	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
18	HA XUAN BINH	CLO	68-69	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

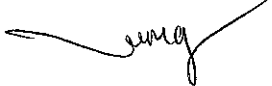
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	9	50	643	0	6		
2	CLO	9	10	60	603	60	6		
3	P6	0	0	0	0	36	10		
TOTAL		18	19	110	1.246	96	22		
WEIGHT KG				110	1.246	96			

GRAND TOAL: 1.452 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2021	TO: TTC2 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:15
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - Toan	ETA: 11:30
HONG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGOC BA	P8					80	BSI VSP	Vietnamese
2	VUONG VAN LONG	P8					72	BSI VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	0	4		THAO 3 GHE DOI LAP CANG VSP
2	P8	2	1	70	152	0	3		
TOTAL		2	1	70	152	0	7		
WEIGHT KG				70	152	0			

GRAND TOAL: 222 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/10/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+-BK8-BK14+RP2	7:25	20+1+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
2		P5-TD2-BK10+P2	9:25	6+0+9+0	0+0+0+0		0+7+12+0	0+0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2021	TO: P5 - TD2 - BK10 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HÙNG - ĐNam - THỤ - Tú	ETA: 11:20
CAM-1			

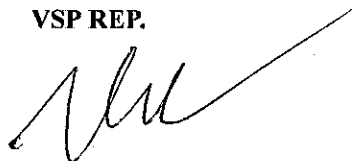
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU ĐỨC	TD2	09	1	9	20	83	T-TIN	Vietnamese
2	CAO KINH THAO	TD2	03	1	10	13	70	T-TIN	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	14	1	6	80	69	GETRACO	Vietnamese
4	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	TD2	13	1	9		51	GETRACO	Vietnamese
5	TRẦN VĂN KHAI	TD2	15	1	5		69	GETRACO	Vietnamese
6	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	TD2	16-17	2	12		75	YTE	Vietnamese
7	GONCHAROV	TD2	02	1	6		75	KHOAN	Russian
8	NGUYEN HUU TAI	TD2	05	1	3		75	PVD	Vietnamese
9	PHẠM VĂN DUNG	TD2	06	1	10		67	PVD	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN PHU	TD2	07-08	2	10		86	PVD	Vietnamese
11	BUI THỌ SƠN	BK10	77-78	2	12	20	66	BA SON	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN SƠN	BK10	96	1	9	65	84	BA SON	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN LAM	BK10	98-99	2	11		51	BA SON	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN HẢO	BK10	68-97	2	13		62	BA SON	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN THẢO	BK10	79-80	2	12		61	BA SON	Vietnamese
16	PHAN HUY THĂNG	BK10	497-498	2	13		69	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	0	0	0	0	0	1		CHUYEN 1 PAX TU BK10 SANG P2
2	TD2	10	12	80	720	113	12		
3	BK10	6	11	70	393	85	0	1	
4	P2	0	0	0	0	3	8		
TOTAL		16	23	150	1.113	201	21		
WEIGHT KG				150	1.113	201			

GRAND TOAL: 1.464 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P10 - BK8 - BK14 - RP2	CREW: Linh - Nam - PTUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV S. V.	P10	53	1	10		110	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P10	37	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIẾU	P10	39-40	2	16		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM QUANG NGU	P10	52	1	10		91	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P10	48	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P10	50	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH HAI-PVD	P10	42	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN HOA	P10	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P10	46	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
10	NG. ĐÌNH CƯƠNG-PVDT	P10	84-85	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGÂN	P10	51	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN SƠN	P10	44-45	2	12		57	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TUYẾN	P10					65	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH TRUNG NGHĨA	P10	41	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐAM	P10	43	1	14		73	DVL	Vietnamese
16	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	38	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ANH	P10	36	1	10	120	78	PSV	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG NHỊ	BK8	52	1	14	33	61	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC NINH	BK14	52	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	19	144	1.239	120	16		
2	BK8	1	1	14	61	33	0		
3	BK14	1	1	5	75	0	1		
4	RP2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	21	163	1.375	153	22		
WEIGHT KG				163	1.375	153			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN